



我是敏君。

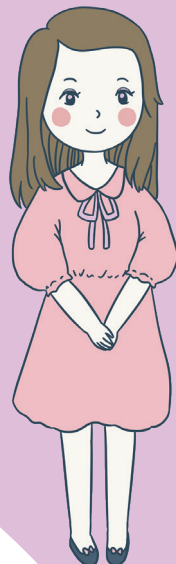
你们好，
我是丽媛。



我是约翰。



我叫宝兰。



CHINESE

JOYFUL

Vui học tiếng Trung

GIAO TIẾP

TheZhishi

TỪ SÁCH GIÚP HỌC TỐT TIẾNG TRUNG

Chủ Biên: Nhã Lam

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



MCBooks
Chuyên sách ngoại ngữ



JOYFUL CHINESE

快乐学汉语 - 口语

VUI HỌC
TIẾNG TRUNG
- GIAO TIẾP





VUI HỌC TIẾNG TRUNG – GIAO TIẾP. 快乐学汉语 – 口语

Bản quyền © thuộc Công ty Cổ phần sách Mcbooks. Theo hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty cổ phần sách Mcbooks và nhóm tác giả The Zhishi – Nhà Lam. Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý của Công ty cổ phần sách Mcbooks đều là bất hợp pháp và vi phạm luật xuất bản Việt Nam, luật bản quyền quốc tế và công ước Berne về bản quyền sở hữu trí tuệ.

Phát triển cùng phương châm “Knowledge Sharing – Chia sẻ tri thức” Mcbooks luôn mong muốn được hợp tác cùng các tác giả trong nước với ước mong được chia sẻ những phương pháp học mới lạ độc đáo, những cuốn sách học ngoại ngữ hay và chất lượng đến với độc giả Việt Nam.

Các tác giả viết sách có nhu cầu xuất bản xin vui lòng liên hệ với chúng tôi qua:

Email: lienhebanquyen@Mcbooks.vn

Điện thoại: (024).3792.1466 (Bấm máy lẻ 103 gặp Phòng Kế Hoạch)

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến góp ý của Quý độc giả để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về nội dung sách: thezhishi@Mcbooks.vn

Liên hệ về bản thảo và bản dịch: contact@Mcbooks.vn

Liên hệ hợp tác truyền thông trên sách: project@Mcbooks.vn

Liên hệ tư vấn, đại diện và giao dịch bản quyền: copyright@Mcbooks.vn

The ZhiShi
Chủ biên: Nhã Lam

JOYFUL CHINESE

快乐学汉语 - 口语

VUI HỌC
TIẾNG TRUNG
- GIAO TIẾP



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Lời nói đầu

Cuốn sách “Vui học tiếng Trung - Giao tiếp” nằm trong bộ sách “Vui học tiếng Trung”, bộ sách bao gồm 4 cuốn Giao tiếp, Ngữ pháp, Từ vựng và Tập viết chữ Hán, được biên soạn dành cho người tự học và học cấp tốc tiếng Trung.

Lượng kiến thức trong bộ sách giúp người học có thể dễ dàng tiếp cận với tiếng Trung và nâng cao trình độ một cách nhanh chóng, tăng cường vốn từ vựng, củng cố ngữ pháp, trau dồi kỹ năng giao tiếp, hiểu sâu hơn về chữ Hán.

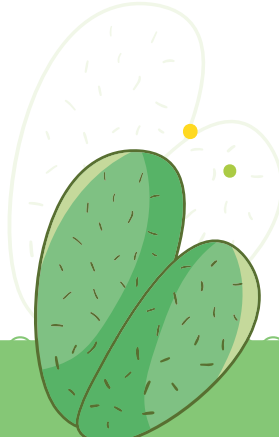
Trong quá trình học, bộ sách hướng cho người học tích lũy được nhiều tri thức ngôn ngữ văn hóa thông qua việc kết hợp luyện tập giao tiếp, ngữ pháp, từ vựng và chữ Hán, từ đó người học sẽ nắm được kết cấu ngôn ngữ và tiến tới vận dụng một cách tự nhiên.

Bộ sách khai thác các chủ đề gần gũi với cuộc sống, thiết thực phù hợp với văn hóa xã hội hiện đại khơi gợi sự hứng thú, say mê với tiếng Trung của người học. Nội dung giữa các bài trong cuốn sách, giữa các cuốn trong bộ sách có sự liên quan mật thiết với nhau, cùng với thiết kế độc đáo, hệ thống nhân vật đặc sắc, hi vọng bộ sách này sẽ trở thành trợ thủ đắc lực của bạn trong quá trình chinh phục tiếng Trung.

Trong quá trình biên soạn khó tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý giá từ độc giả.

Xin chân thành cảm ơn!

Ban biên tập
The Zhishi





Giới thiệu các nhân vật

John

22 tuổi

Quốc tịch: Mỹ

Tính cách:

- Hướng ngoại, chân thành
- Thích hát, đọc sách và chơi thể thao



Bảo Lan

21 tuổi

Quốc tịch: Việt Nam

Tính cách:

- Nhẹ nhàng, quan tâm mọi người
- Thích mua sắm, thích đọc sách

Min Jun

20 tuổi

Quốc tịch: Hàn Quốc

Tính cách:

- Hoạt bát, hài hước, thích giúp đỡ mọi người
- Thích nghe nhạc, chơi thể thao



Lệ Viên

22 tuổi

Quốc tịch: Trung Quốc

Tính cách:

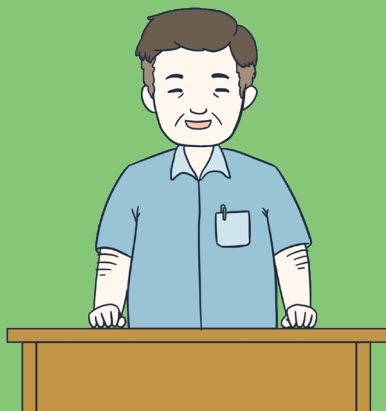
- Vui vẻ, yêu đời, nhiệt tình
- Thích đi du lịch, mua sắm

Thầy Trương

Nam, 32 tuổi

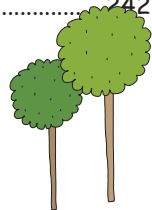
Quốc tịch: Trung Quốc

Nghề nghiệp: Giảng viên



MỤC LỤC

PHIÊN ÂM:.....	8
CHỦ ĐỀ 01: Xin chào!.....	16
CHỦ ĐỀ 02: Đến dự sinh nhật mình nhé!.....	38
CHỦ ĐỀ 03: Chúc mừng sinh nhật.....	56
CHỦ ĐỀ 04: Mình thích bóng đá.....	80
CHỦ ĐỀ 05: Mau đi ăn thôi nào.....	98
CHỦ ĐỀ 06: Tiếng Anh không khó lắm!.....	112
CHỦ ĐỀ 07: Mình muốn làm phiên dịch.....	126
CHỦ ĐỀ 08: Mẹ mình bị ốm rồi!.....	140
CHỦ ĐỀ 09: Mình rất nhớ nhà!.....	154
CHỦ ĐỀ 10: Lên đường bình an nhé!.....	168
CHỦ ĐỀ 11 Chúc mừng năm mới!.....	184
CHỦ ĐỀ 12: Chúng ta cùng đi mua sắm nhé.....	198
CHỦ ĐỀ 13: Mùa hè tới rồi!.....	218
CHỦ ĐỀ 14: Phong cảnh ở đây thật đẹp!.....	230
CHỦ ĐỀ 15: Đi làm thôi!.....	242





PHIÊN ÂM

Phiên âm tiếng Trung (pinyin) được cấu thành từ 36 nguyên âm (vận mẫu) và 21 phụ âm (thanh mẫu).

I. NGUYÊN ÂM

● Trong hệ thống pinyin, có 36 nguyên âm (gọi là vận mẫu). Các nguyên âm này được thể hiện bằng bảng sau:

Bảng nguyên âm chữ Hán					
a	o	e	i	u	ü
ai	ou	ei	ia	ua	üe
ao	ong	en	iao	uai	üan
an		eng	ian	uan	ün
ang		er	iang	uang	
			ie	uo	
			iu	ui	
			in	un	
			ing	ueng	
			iong		

● Trong đó, các nguyên âm có phát âm gần giống với âm sau trong tiếng Việt:



1. Sáu nguyên âm đơn

a	Phát âm như <i>a</i> của tiếng Việt
o	Phát âm như <i>ua</i> của tiếng Việt
e	Phát âm như <i>ư</i> của tiếng Việt
i	Phát âm như <i>i</i> hoặc <i>ư</i> của tiếng Việt
u	Phát âm như <i>u</i> của tiếng Việt
ü	Là nguyên âm hai môi tròn, phát âm gần giống <i>uy</i>

2. Mười ba nguyên âm kép

ai	đọc gần như <i>ai</i> của tiếng Việt
ei	đọc gần như <i>ây</i> của tiếng Việt
ao	đọc gần như <i>ao</i> của tiếng Việt
ou	đọc gần như <i>âu</i> của tiếng Việt
ia	đọc gần như <i>i+e</i> của tiếng Việt
ie	đọc gần như <i>ia</i> của tiếng Việt
ua	đọc gần như <i>oa</i> của tiếng Việt
uo	đọc gần như <i>ua</i> của tiếng Việt
iao	đọc gần như <i>i+eo</i> của tiếng Việt
iou	đọc gần như <i>i+âu</i> của tiếng Việt
uai	đọc gần như <i>oai</i> của tiếng Việt
uei	đọc gần như <i>uây</i> của tiếng Việt
üe	đọc gần như <i>u+ê</i> của tiếng Việt



3. Mười sáu nguyên âm mũi

an	đọc gần như <i>an</i> của tiếng Việt
ang	đọc gần như <i>ang</i> của tiếng Việt
en	đọc gần như <i>ân</i> của tiếng Việt
eng	đọc gần như <i>âng</i> của tiếng Việt
in	đọc gần như <i>in</i> của tiếng Việt
ian	đọc gần như <i>i+en</i> của tiếng Việt
iang	đọc gần như <i>i+eng</i> của tiếng Việt
iong	đọc gần như <i>i+ung</i> của tiếng Việt
ing	đọc gần như <i>inh</i> của tiếng Việt
ong	đọc gần như <i>ung</i> của tiếng Việt
uan	đọc gần như <i>oan</i> của tiếng Việt
uang	đọc gần như <i>oang</i> của tiếng Việt
uen	đọc gần như <i>uân</i> của tiếng Việt
ueng	đọc gần như <i>uâng</i> của tiếng Việt
ün	đọc gần như <i>uyn</i> của tiếng Việt
üan	đọc gần như <i>uy+an</i> của tiếng Việt



II. PHỤ ÂM

- Trong tiếng Trung có 21 phụ âm (còn gọi là thanh mẫu). Hai mươi một phụ âm này được chia thành 18 phụ âm đơn và 3 phụ âm kép.

Bảng phụ âm chữ Hán			
b	p	m	f
d	t	n	l
g	k	h	
j	q	x	
z	c	s	
zh	ch	sh	r
y	w		

- Còn lại hai phụ âm không chính thức là “y” và “w” thực chất là biến thể của hai nguyên âm “i” và “u” khi nó đảm nhiệm vị trí đứng ở đầu câu.

1. Nhóm âm hai môi và răng môi

b	Phát âm gần giống như <i>pua</i> của tiếng Việt
p	Phát âm gần giống như <i>pua</i> của tiếng Việt nhưng có bật hơi (note: vì b và p khác nhau chỗ bật hơi khó thể hiện trong văn bản nên lúc làm vẫn để b là b, p là p)



f	Phát âm gần giống như <i>phua</i> của tiếng Việt
m	Phát âm như <i>mua</i> của tiếng Việt
2. Nhóm âm đầu lưỡi	
d	Phát âm gần giống như <i>tua</i> của tiếng Việt
t	Phát âm gần giống như <i>thua</i> của tiếng Việt, có bật hơi
n	Phát âm gần giống như <i>nua</i> của tiếng Việt
l	Phát âm gần giống như <i>lua</i> của tiếng Việt
3. Nhóm âm đầu lưỡi trước	
z	Phát âm gần giống như <i>chư</i> của tiếng Việt, âm tắc sát không bật hơi
c	Phát âm gần giống như <i>chư</i> của tiếng Việt, có bật hơi
s	Phát âm gần giống như <i>xư</i> của tiếng Việt, âm tắc sát
r	Phát âm gần giống như <i>rư</i> của tiếng Việt
4. Nhóm âm đầu lưỡi sau	
zh	Phát âm gần giống như <i>trư</i> của tiếng Việt
ch	Phát âm gần giống như <i>trư</i> của tiếng Việt, có bật hơi
sh	Phát âm gần giống như <i>sư</i> của tiếng Việt
5. Nhóm âm mặt lưỡi	
j	Phát âm gần giống như <i>chi</i> của tiếng Việt
q	Phát âm gần giống như <i>chi</i> của tiếng Việt, có bật hơi
x	Phát âm gần giống như <i>xi</i> của tiếng Việt

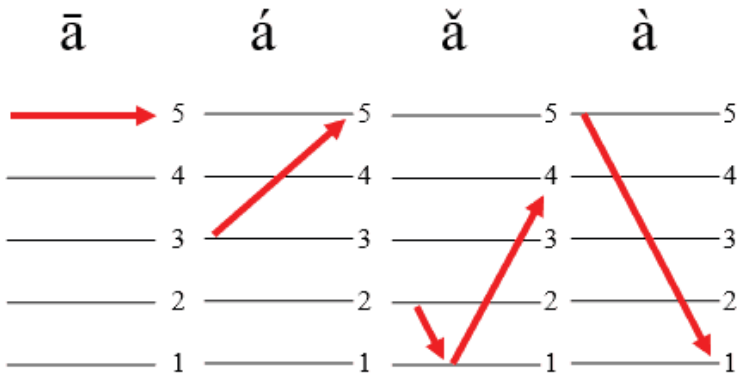


6. Nhóm âm cường lưỡng

g	Phát âm gần giống như <i>cưa</i> của tiếng Việt
k	Phát âm gần giống như <i>khưa</i> của tiếng Việt, có bật hơi
h	Phát âm gần giống như <i>hưa</i> hoặc <i>khưa</i> của tiếng Việt

III. THANH ÂM VÀ BIẾN ĐIỆU TRONG TIẾNG TRUNG

A. Các thanh điệu cơ bản



Thanh 1: Đọc gần giống như đọc các từ không dấu trong tiếng Việt (độ cao 5-5).

Thanh 2: Đọc giống dấu sắc trong tiếng Việt (độ cao 3-5).

Thanh 3: Đọc gần giống dấu hỏi nhưng kéo dài hơi hơn (độ cao 2-1-4).



Thanh 4: Đọc giống giữa dấu huyền và dấu nặng. Khi đọc hãy đọc cao giọng và bật hơi mạnh (độ cao 5-1).

Thanh nhẹ (khinh thanh): Đọc nhẹ và lấy hơi ngắn. Khinh thanh không biểu thị bằng thanh điệu (không dùng dấu).

● Ví dụ:

- bà: đọc như “ba” trong tiếng Việt.
- bá: đọc như “bá” trong tiếng Việt.
- bả: đọc như “bả” trong tiếng Việt.
- bà: đọc bật hơi và cao giọng.
- ba: đọc nhẹ và ngắn.

B. Một số quy tắc biến điệu

1. Biến điệu của thanh 3

+ Hai thanh số 3 đứng liền nhau thì thanh 3 đứng trước sẽ đọc thành thanh 2.

● Ví dụ:

- Nỉ hảo đọc là “ní hảo” (chào anh/ chào bạn).
- Hén hảo đọc là “hén hảo” (rất tốt/ rất khỏe).

+ Ba thanh số 3 đứng liền nhau thì hai thanh số 3 đứng trước đọc thành thanh số 2.

● Ví dụ:

- Wổ hén hảo đọc là “wó hén hảo” (tôi rất khỏe).



- Zhǎn lǎn guǎn đọc là “zhǎn lǎn guǎn” (nhà triển lãm).

+ Bốn thanh số 3 đứng cạnh nhau có hai cách đọc, hoặc ba thanh số 3 đứng trước đọc thành thanh số 2 hoặc thanh số 3 ở vị trí thứ nhất và thứ ba đọc thành thanh số 2.

● Ví dụ:

- Wǒ yě hěn hǎo có thể đọc thành “wó yé hén hǎo” hoặc “wó yě hén hǎo” (tôi cũng rất khỏe).

2. Biến điệu của chữ 一 (yī) và chữ 不 (bù)

+ Khi đứng trước âm tiết mang thanh 4 thì sẽ đọc thành thanh 2.

● Ví dụ:

- Yī gòng → yí gòng (一共: tổng cộng).

- Yī yàng → yí yàng (一样: giống nhau).

- Bù qù → bú qù (不去: không đi).

- Bù biàn → bú biàn (不变: không thay đổi).

+ Khi đứng trước một âm tiết mang thanh 1, thanh 2 hoặc thanh 3 thì nó sẽ biến điệu thành thanh 4.

● Ví dụ:

- Yī tiān → yì tiān (一天: một ngày).

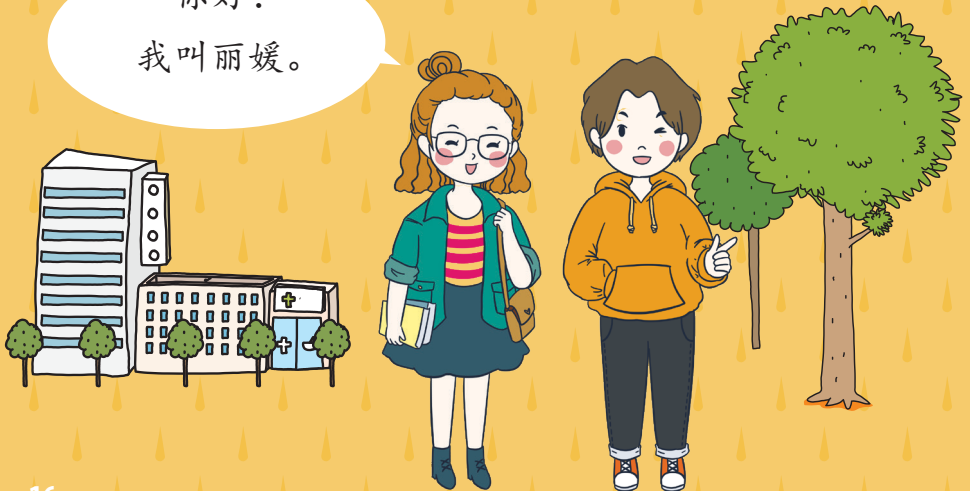
- Yī miǎo → yì miǎo (一秒: một giây).

CHỦ ĐỀ
01
XIN CHÀO!

Lớp học vừa khai giảng, sinh viên đến gặp gỡ và làm quen lẫn nhau.

丽媛，你好，我是约翰。

你好！
我叫丽媛。





- 第一课：你们好！

Dì yī kè: Nǐmen hǎo!
BÀI 1: Xin chào các bạn!

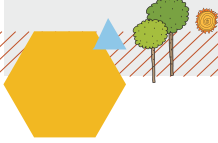
- 第二课：认识你我很高兴！

Dì èr kè: Rènshi nǐ wǒ
hěn gāoxìng!
BÀI 2: Rất vui được làm quen với bạn!

- 第三课：你多大了？

Dì sān kè: Nǐ duō dà le?
BÀI 3: Bạn bao nhiêu tuổi rồi?





第一课：你们好！

Đì yī kè: Nǐmen hǎo!



BÀI 1: XIN CHÀO CÁC BẠN!



- Cách chào theo đối tượng và thời gian
- Luyện tập phát âm b - p - m và a - o - e - i - u - ü

STORY:

- Trong buổi học đầu tiên, thầy Trương chào và giới thiệu với cả lớp. 

张老师：大家好！

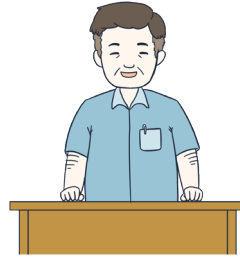
Zhāng lǎoshī: Dàjiā hǎo!

Thầy Trương: Chào các em!

同学们：老师好！

Tóngxuémen: Lǎoshī hǎo!

Sinh viên: Chúng em chào thầy ạ!



Trang lão sư: Tà chie hǎo! ; Thùng xué mân: Lão sư hǎo!

TỪ MỚI:

大家：Dàjiā: ta chie: mọi người

老师：Lǎoshī: lão sư: thầy giáo/ cô giáo

同学: Tóngxué: *thùng xué*: học sinh/ bạn học

好: Hǎo: *hảo*: tốt/ đẹp

• Tiếng chuông nghỉ giữa tiết vang lên.

Lệ Viên quay sang hỏi John ngồi bên cạnh. 

丽媛: 早上好! 我叫丽媛。

Lìyuán: Zǎoshang hǎo! Wǒ jiào Lìyuán.

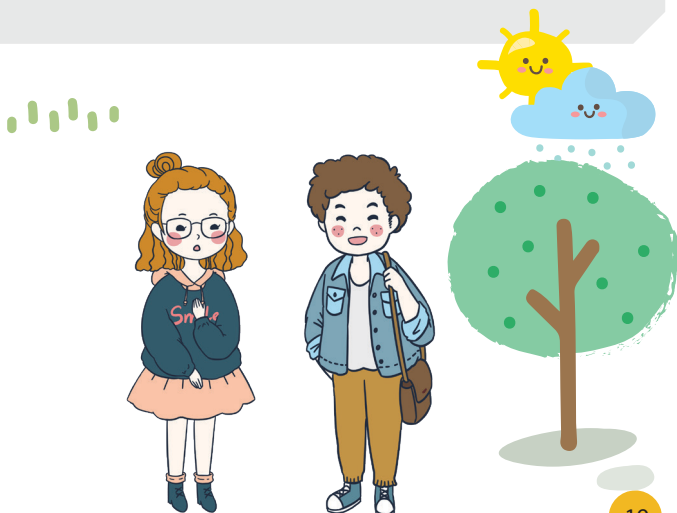
Lệ Viên: Chào buổi sáng! Mình tên là Lệ Viên.

约翰: 你好, 我是约翰。

Yuēhàn: Nǐ hǎo, wǒ shì Yuēhàn.

John: Chào bạn, mình là John.

Li Doén: Chào sang hảo! Ủa cheo Li Doén. Duê Han: Ní hảo, ủa sư Duê Han.





🌳 ĐIỂM NGỮ PHÁP

- Người Trung Quốc **chào hỏi** thế nào?
 - 你好! / 您好!
 - Nghề nghiệp/ tên + 好!
- Người Trung Quốc **hỏi tên** như thế nào?
 - 你叫什么名字?
 - 我叫 + tên riêng/ 我是 + tên riêng

TỪ MỚI: 🎧

丽媛: Liyuán: *Li Doén*: Lê Viên (tên riêng)

约翰: Yuēhàn: *Duē Han*: John (tên riêng)

我: Wǒ: *úa*: tôi/ em/ con...

你: Nǐ: *ní*: bạn/ chị/ thầy...

早上: Zǎoshang: *chào sang*: buổi sáng

叫: Jiào: *cheo*: gọi

是: Shì: *sư*: là/ thì



BÀI TẬP

1, Chọn phiên âm với chữ Hán thích hợp

1, Dàjiā

a, 好

2, Hǎo

b, 是

3, Jià

c, 大家

4, Shì

d, 叫

2, Sắp xếp câu theo thứ tự đúng

A 叫/ 我/ 丽媛。

jiào/ wǒ/ Lìyuán.

B 约翰/ 我/ 是。

Yuēhàn/ wǒ/ shì.

3, Luyện tập phát âm

bàba

pímó

mimǎ

bǐmò

NÉT VĂN HÓA

Ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp của người Trung Quốc 

Trung Quốc là một đất nước phương Đông nên văn hóa có nhiều điểm tương đồng với người Việt Nam, ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp cũng vậy.

Mỗi khi gặp người bề trên, người lớn tuổi, người Trung Quốc sẽ thể hiện sự tôn trọng bằng cách chấp tay (tay phải nằm trong, tay trái bọc ngoài).

Đồng thời, khi nói chuyện hoặc giới thiệu người khác với ai đó, nên dùng cả bàn tay đã được ngả lòng bàn tay hướng về phía người đó, nhất định không được dùng ngón tay trỏ chỉ về phía người đó, điều đó sẽ thể hiện sự bất lịch sự.

Không những thế, khi gặp người Trung Quốc, nên tránh cách ôm hôn, dù là chỉ là hôn má hay hôn tay, trừ khi người bạn gặp có quan hệ rất gần gũi.

(Sưu tầm và dịch)



第二课：认识你我很高兴！
Dì èr kè: Rènshì nǐ wǒ hěn gāoxìng!



BÀI 2: RẤT VUI ĐƯỢC LÀM QUEN VỚI BẠN!



- Mẫu câu làm quen
- Luyện phát âm f - z - c - s và ai - ou - ei - ia - ua - üe

STORY:

- Người bạn bạn trên quay xuống chào Lê Viên và John, đó là một chàng trai châu Á nhanh nhẹn. 

敏君：你们好！我叫敏君。

Mǐnjūn: Nǐmen hǎo! Wǒ jiào Mǐnjūn.

MinJun: Chào các bạn! Mình là MinJun.

丽媛：敏君好！

Lìyuán: Mǐnjūn hǎo!

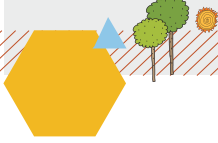
Lê Viên: Chào MinJun!

约翰：认识你我很高兴！

Yuēhàn: Rènshì nǐ wǒ hěn gāoxìng!

John: Mình rất vui được làm quen với Viên!





*Mìn Chuyn: Nǐ mǎn hảo! Ừa cheo Mìn Chuyn. ∴ Li Doén: Mìn Chuyn hảo! ∴ Duê Han:
Rân su nǐ úa hǎn cao xinh!*

TỪ MỚI: 

敏君: Mǐnjūn: *Mìn Chuyn:* MinJun (tên riêng)

认识: Rènshi: *rân su:* làm quen/ quen biết

很: Hěn: *hǎn:* rất

高兴: Gāoxìng: *cao xinh:* vui mừng

• **Lệ Viên** rất niềm nở làm quen với bạn mới. 

丽媛: 敏君，你是哪国人啊？

Lìyuán: Mǐnjūn, nǐ shì nǎ guó rén a?

Lệ Viên: MinJun, bạn là người nước nào vậy?

敏君: 我是韩国人。

Mǐnjūn: Wǒ shì Hánguó rén.

MinJun: Mình là người Hàn Quốc.

约翰: 我是美国人。丽媛是中国人，对吧？

Yuēhàn: Wǒ shì Měiguó rén. Lìyuán shì Zhōngguó rén, duì ba?

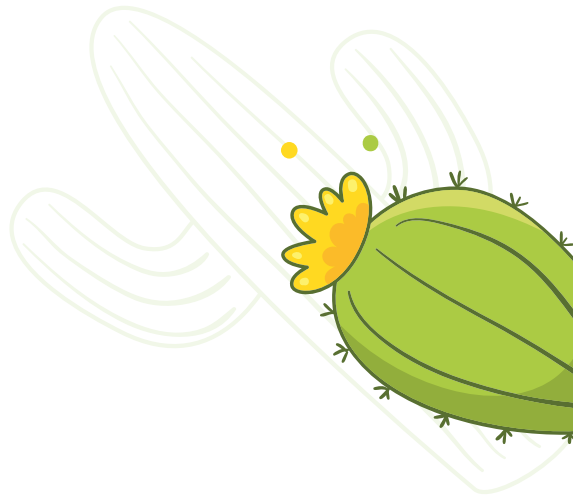
John: Mình là người Mỹ. Lệ Viên là người Trung Quốc, đúng không?

丽媛: 是的。

Lìyuán: Shì de.

Lệ Viên: Đúng vậy.

Li Doán: Mìn Chuyn, nỉ sư nà của rần a? ∴ Mìn Chuyn: Ủa sư Hán của rần. ∴ Duê Han: Ủa sư Mấy của rần. Li Doán sư Trung của rần, tuây pa? ∴ Li Doán: Sư to.





ĐIỂM NGỮ PHÁP

*** Hỏi đáp nhanh ***

• Người Trung Quốc xưng hô như thế nào?

Không giống với người Việt Nam, người Trung Quốc xưng “我” đối với tất cả đối tượng giao tiếp, giống “you” trong tiếng Anh. Đồng thời người Trung Quốc gọi “你” (trong trường hợp giao tiếp thông thường) hoặc “您” (trong trường hợp trang trọng, thể hiện sự kính trọng đối phương).

Người Trung Quốc *hỏi đáp về quốc tịch* như thế nào?

- 你是哪国人?
- 我是 + tên nước + 人
- 你是 + tên nước + 人吗?
- 是的。

TỪ MỚI:

哪: Nǎ: *nǎ*: nào (từ để hỏi)

人: Rén: *rán*: người

国人: Guó rén: *của rán*: người nước

美国人: Měiguó rén: *Mấy của rán*: người Mỹ

中国人: Zhōngguó rén: *Trung của rán*: người Trung Quốc

韩国人: Hánguó rén: *Hán của rán*: người Hàn Quốc



2, Sắp xếp câu theo thứ tự đúng

A 你 / 我 / 认识 / 高兴 / 很!

Nǐ/ wǒ/ rènshi/gāoxìng/ hěn!

B 是 / 国人 / 哪 / 你?

Shì/ guórén/ nǎ/ nǐ?

3, Luyện tập phát âm

zàicì

zuòfǎ

fùzé

fùmǔ

bú zài

bú cuò

pīfā

méicuò

NÉT VĂN HÓA

Rất vui khi được làm quen với bạn!



Trong lần đầu tiên gặp mặt, người Trung Quốc thường nói “认识你我很高兴” (Rènshi nǐ wǒ hěn gāoxìng) mang nghĩa “Nice to meet you” - rất vui khi được gặp bạn. Đây là cụm từ truyền đạt niềm vui trong lần đầu gặp gỡ.

Ngoài ra, người Trung Quốc còn sử dụng cách nói “初次见面，请多关照” (Chūcì jiànmiàn, qǐng duō guānzhào) - Lần đầu gặp mặt mong sau này sẽ nhận được nhiều sự giúp đỡ từ bạn. Tuy nhiên cách nói này dùng trong trường hợp trang trọng.

